TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06-7-2023
"v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Nguyễn Văn Chất

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Sĩ Quang và bà Ngô Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Ông Nguyễn Văn Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 114/TLST-HNGĐ ngày 22/3/2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19/6/2023 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1980; Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khu dân cư K, phường V, Th phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Người được anh Q ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Chị Vũ Thị Ch, sinh năm 1990; nơi cư trú: Khu dân cư T, phường Đ, Th phố C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị Y, sinh năm 1987; Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khu dân cư K, phường V, Th phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Cộng hòa Síp. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Đặng Thị L, sinh năm 1961; nơi cư trú: Khu dân cư K, phường V, Th phố C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1959; nơi cư trú: Khu dân cư K, phường V, Th phố C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn xin xét xử vắng mặt (có xác nhận của Văn phòng kinh tế - văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc), nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:

Anh và chị Phạm Thị Y kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C (nay là phường V, Th phố C), tỉnh Hải Dương vào ngày 07/9/2005. Sau khi kết hôn, anh và chị Y chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì chị Y đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa Síp. Thời gian đầu, anh và chị Y vẫn thường xuyên liên lạc với nhau. Năm 2014, anh phát hiện chị Y không còn chung thủy với anh và đã có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Anh đã khuyên bảo và mong muốn chị Y suy nghĩ lại, trở về Việt Nam để đoàn tụ cùng anh và các con nhưng chị Y không nghe. Năm 2018, anh đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Do vợ chồng đã mâu thuẫn từ trước nên mỗi lần gọi điện nói chuyện anh chị thường hay xảy ra cãi nhau nên sau đó anh và chị Y không còn liên lạc nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Y.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 20/12/2006 và Nguyễn Văn Th, sinh ngày 22/02/2009. Hiện cháu M đang ở cùng bà ngoại là Đặng Thị L, còn cháu Th đang ở cùng ông nội là Nguyễn Văn Tr. Khi ly hôn, anh đề nghị nuôi cháu Th và giao cháu M cho chị Y nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Trong thời gian ở nước ngoài, anh ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Tr nuôi dưỡng cháu Th cho đến khi anh về Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người được anh Nguyễn Văn Q ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án là chị Vũ Thị Ch trình bày: Sau khi nhận các văn bản của Tòa án, chị đã thông tin lại cho anh Q biết. Anh Q vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong đơn khởi kiện và bản tự khai nộp cho Tòa án.

Do anh Q không cung cấp được địa chỉ của chị Y ở Cộng hòa Síp nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình chị Y. Bà Đặng Thị L (là mẹ đẻ chị Y) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của chị Y ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên chị Y vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị Y biết. Quá trình làm việc với bà L, chị Y đã gọi điện có hình ảnh và trực tiếp trình bày với Tòa án như sau: Chị xác định về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như anh Q trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, nhiều lần anh chị xảy ra xô xát,

đánh nhau. Năm 2010, chị đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa Síp. Thời gian đầu, chị và anh Q thường xuyên liên lạc với nhau, chị vẫn gửi tiền về để anh Q nuôi con. Sau này do vợ chồng sống xa cách, tình cảm nhạt dần, mỗi lần nói chuyện đều xảy ra cãi nhau nên chị và anh Q không còn liên lạc với nhau, chị cũng không gửi tiền về cho anh Q nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Q xin ly hôn thì chị đồng ý. Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung như anh Q trình bày là đúng. Sau khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu M và giao cháu Th cho anh Q nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Trong thời gian ở nước ngoài, chị ủy quyền cho bà Đặng Thị L nuôi dưỡng cháu M cho đến khi chị về Việt Nam. Về tài sản chung, nợ chung: Trong thời gian ở nước ngoài, chị đã gửi cho anh Q tổng số tiền 480 triệu đồng để anh Q nuôi các con. Tuy nhiên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Tr có quan điểm: Trong thời gian anh Q không ở Việt Nam, ông đồng ý nhận ủy quyền của anh Q về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn Th và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị L có quan điểm: Trong thời gian chị Y không ở Việt Nam, bà đồng ý nhận ủy quyền của chị Y về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Trà M và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn Q ly hôn chị Phạm Thị Y. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Văn Th, sinh ngày 22/02/2009 cho anh Nguyễn Văn Q nuôi dưỡng; giao con chung là Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 20/12/2006 cho chị Phạm Thị Y nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Trong thời gian anh Q, chị Y không có mặt tại Việt Nam, tạm giao cháu Th cho ông Nguyễn Văn Tr (là bố đẻ anh Th) và tạm giao cháu M cho bà Đặng Thị L (là mẹ đẻ chị Y) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi anh Th, chị Y về Việt Nam. Về án phí: Anh Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan; bị đơn chị Phạm Thị hiện đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa Síp. Anh Q và chị Y đều có hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh tại phường V, Th phố C, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, anh Q không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị Y ở nước ngoài. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu nhưng gia đình chị Y đều trình bày không biết địa chỉ cụ thể của chị Y ở Cộng hòa Síp. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho bà Đặng Thị L là mẹ đẻ của chị Y để bà L thông tin lại cho chị Y biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh Q và chị Y. Đồng thời Tòa án cũng tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn Q, chị Vũ Thị Ch, ông Nguyễn Văn Tr, bà Đặng Thị L vắng mặt và đều có đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Phạm Thị Y đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy, căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Q và chị Phạm Thị Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C (nay là phường V, Th phố C), tỉnh Hải Dương vào ngày 07/9/2005 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh Q và chị Y chung sống cùng nhau tại nhà bố mẹ anh Q. Quá trình chung sống, theo chị Y trình bày là hai anh chị thường xuyên xảy ra xô xát, cãi nhau do bất đồng quan điểm sống. Còn theo anh Q trình bày năm 2010 chị Y đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa Síp, trong thời gian này anh phát hiện chị Y có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Năm 2018, anh đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Do mâu thuẫn nên anh Q và chị Y đã sống ly thân, không còn liên lạc với nhau. Nay anh Q và chị Y đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Q có đơn xin ly hôn, chị Y đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Q và chị Y đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được

nên cần chấp nhận cho anh Q ly hôn chị Y là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Văn Q và chị Phạm Thị Y có 02 con chung là Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 20/12/2006, hiện đang ở cùng bà ngoại và Nguyễn Văn Th, sinh ngày 22/02/2009, hiện đang ở cùng ông nội. Khi ly hôn, anh Q và chị Y đều có quan điểm giao cháu Th cho anh Q nuôi dưỡng và giao cháu M cho chị Y nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Do anh Q, chị Y đang ở nước ngoài nên anh chị đề nghị tạm giao cháu Th cho ông Nguyễn Văn Tr nuôi dưỡng và tạm giao cháu M cho bà Đặng Thị L nuôi dưỡng cho đến khi anh Q, chị Y về Việt Nam. Ông Tr, bà L đồng ý nhận ủy quyền của anh Q, chị Y. Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, do vậy cần chấp nhận thỏa thuận của anh Q, chị Y. Tạm giao cháu Nguyễn Văn Th cho ông Nguyễn Văn Tr; tạm giao cháu Nguyễn Thị Trà M cho bà Đặng Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh Q, chị Y không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Văn Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Q về các vấn đề sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn Q ly hôn chị Phạm Thị Y.

1.2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Nguyễn Văn Q được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Văn Th, sinh ngày 22/02/2009; giao cho chị Phạm Thị Y được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 20/12/2006 kể từ khi ly hôn cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Tạm giao cháu Nguyễn Văn Th cho ông Nguyễn Văn Tr, tạm giao cháu Nguyễn Thị Trà M cho bà Đặng Thị L nuôi dưỡng trong thời gian anh Q, chị Y không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số AA/2021/0004407 ngày 21 tháng 3 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh Q đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Q, chị Phạm Thị Y vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường V, Th phố C, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chất